

QUỐC TẾ HOÁ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HOÁ

Nguyễn Anh Thu

Ban Quan hệ Quốc tế - ĐHQG Hà Nội

Tóm tắt. *Nhiệm vụ cơ bản của hệ thống giáo dục đại học là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao và cung cấp cơ hội cho việc học và tự học suốt đời. Trong thời đại ngày nay với những thách thức và cơ hội mới của quá trình toàn cầu hoá cùng với sự phát triển của nền kinh tế tri thức thì giáo dục đại học càng có vị trí quan trọng như một bộ phận cấu thành của phát triển văn hoá, xã hội, kinh tế và chính trị. Đồng thời, giáo dục đại học còn được nhìn nhận như một cột trụ cho việc xây dựng và phát huy nội lực, phát triển bền vững, hoà bình và thịnh vượng của mỗi quốc gia cũng như của toàn thế giới.*

Các chính phủ đều thừa nhận rằng giáo dục đại học là một phần của cơ sở hạ tầng quốc gia và thuộc về trách nhiệm của nhà nước. Tuy nhiên với xu thế chung của sự hội nhập quốc tế, xuất khẩu dịch vụ giáo dục đã nhanh chóng phát triển, tạo ra những thay đổi cơ bản trong hoạch định chính sách và quản lý chất lượng. Đặc biệt, khi vấn đề giáo dục, nhất là giáo dục đại học được đưa vào các cuộc đàm phán của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO) thì những vấn đề nảy sinh đã vượt ra ngoài tầm kiểm soát của các quốc gia. Để hạn chế tới mức thấp nhất các tác hại của quá trình này cũng như khai thác tối đa hiệu quả của hệ thống giáo dục đại học, cần thiết phải xây dựng cơ chế hợp tác liên quốc gia dựa trên nguyên tắc đối tác bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau và cùng có lợi.

1. THẾ KỶ 21 VÀ NHỮNG THÁCH THỨC MỚI

Trong những năm đầu tiên của thế kỷ 21, nhân loại đang phải chứng kiến những biến động lớn lao về kinh tế, chính trị, văn hoá, xã hội

và khoa học công nghệ. Nếu như thập niên trước đây, người ta nói nhiều đến toàn cầu hoá như một xu thế không thể đảo ngược trong tiến trình phát triển của thế giới với ước vọng về một "ngôi làng toàn cầu" mà trong đó con người sống bình đẳng hơn thì ngày nay điều đó ít có cơ hội trở thành hiện thực do những cuộc xung đột sắc tộc, văn hoá kéo dài, khoảng cách giàu nghèo ngày càng lớn, môi trường bị huỷ hoại, tài nguyên cạn kiệt, đặc biệt là nguy cơ tụt hậu và bị gạt ra ngoài lề của một phần không nhỏ các nước nghèo.

Công nghệ tiên tiến phát triển đã đưa con người bước vào một nền văn minh mới - văn minh tri thức và nền kinh tế tri thức, trong đó sự sáng tạo và sử dụng tri thức giữ vai trò quan trọng hàng đầu trong phát triển kinh tế và nâng cao đời sống xã hội. Trong kỷ nguyên mới, tri thức sẽ không chỉ đơn thuần là sản phẩm trí tuệ của con người mà còn giữ vai trò đặc biệt quan trọng trong việc nâng cao giá trị trong mọi lĩnh vực: sản xuất, thương mại, quản lý và tổ chức xã hội. Con người sẽ không dừng lại ở việc sử dụng hiệu quả những tri thức đã có mà còn không ngừng sáng tạo ra những tri thức mới. Nền kinh tế tri thức trong thế kỷ 21 sẽ vận hành theo những nguyên lý hoàn toàn khác so với những nền kinh tế truyền thống, chủ yếu tập trung vào những ngành có hàm lượng chất xám cao và tăng cường khả năng tổ chức và tiếp cận thị trường.

Trong quá trình phát triển hiện nay, người ta nhận thấy rằng khoảng cách về thông tin và trình độ tri thức giữa các nước công nghiệp hoá và các nước đang phát triển ngày càng lớn và còn lớn hơn cả khoảng cách về thu nhập. Điều này là đặc biệt nghiêm trọng khi trong nền kinh tế tri thức, chỉ có tri thức công nghệ và kỹ năng mới là những lợi thế so sánh. Hiện tượng chảy máu chất xám do sức hút của nền kinh tế hiện đại vẫn đang tiếp tục gia tăng làm ảnh hưởng sâu sắc đến nền giáo dục các nước đang phát triển. Bên cạnh đó, cơ sở vật chất nghèo nàn, khả năng khai thác nguồn lực hạn chế và những điều kiện kinh tế, xã hội yếu kém đang là những rào cản căn bản đối với các nước đang phát triển khi bước vào kỷ nguyên mới.

Để vượt qua được những thách thức to lớn do quá trình toàn cầu hoá và nền kinh tế tri thức đặt ra, các quốc gia, đặc biệt là các quốc gia đang phát triển cần phải có sự chuẩn bị kỹ lưỡng về nguồn nhân lực

chất lượng cao, có khả năng tiếp thu và tái tạo tri thức. Do đó, vai trò của giáo dục và đào tạo, nhất là giáo dục đại học càng trở nên đặc biệt quan trọng và trở thành quốc sách hàng đầu đối với nhiều quốc gia. Cũng như trong các lĩnh vực kinh tế, xã hội khác, các quốc gia đang phải đối diện với những thách thức mới trong giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học.

2. GIÁO DỤC ĐẠI HỌC TRONG THẾ KỶ 21

Nền giáo dục truyền thống của nửa đầu thế kỷ 20 gắn liền với các cuộc cách mạng khoa học kỹ thuật nhưng khối lượng tri thức được tạo ra trong vài thập kỷ cũng còn rất hạn chế. Cuối thế kỷ 20 và những năm đầu của thế kỷ 21, những cuộc cách mạng khoa học công nghệ diễn ra với tốc độ chóng mặt trên phạm vi toàn cầu, tác động mạnh mẽ tới toàn thể nhân loại. Điều đó đòi hỏi con người ở thời đại ngày nay phải luôn cập nhật tri thức với những thay đổi của môi trường và điều kiện làm việc.

Trong xã hội hiện đại, hệ thống giáo dục đại học phải đối diện với trách nhiệm cung cấp dịch vụ đào tạo chất lượng cao cho thanh niên để giúp họ tiếp cận với thị trường lao động, đồng thời tạo cho họ khả năng tự cập nhật tri thức và nâng cao kỹ năng tay nghề. Bên cạnh đó, chất lượng giáo dục đào tạo phải được nâng cao nhằm đáp ứng các nhu cầu phát triển kinh tế xã hội trong thế giới đang toàn cầu hoá. Trên thực tế, hàng loạt các mâu thuẫn đang nảy sinh như: mâu thuẫn giữa sự bùng nổ nhu cầu được đào tạo trong khi tình trạng thất nghiệp đối với cử nhân gia tăng; vừa đảm bảo công bằng trong tiếp cận giáo dục vừa hợp lý về chi phí đầu tư, đa dạng hoá các nguồn đầu tư nhưng phải đảm bảo các mục tiêu xã hội...

2.1. Nhu cầu đào tạo và chất lượng giáo dục

Các phương tiện viễn thông hiện đại như Internet đã nhanh chóng tạo điều kiện cho phép đa dạng hoá các loại hình phổ cập tri thức. Cùng với sự phát triển của thương mại điện tử (e-commerce) và sự mở rộng tương ứng của đào tạo từ xa giúp tăng cường việc sử dụng công nghệ thông tin và viễn thông, tiềm năng của thương mại xuyên quốc gia trong

dịch vụ giáo dục trở nên phổ biến và hứa hẹn hơn bao giờ hết. Nhưng vấn đề đặt ra là chưa có một tiêu chí chung nào cho sự đánh giá chất lượng của các loại hình đào tạo như vậy.

2.2. Khả năng tiếp cận giáo dục

Để phổ cập tri thức và thông tin cho cộng đồng thì các tiềm năng của công nghệ thông tin và viễn thông hiện đại phải được khai thác triệt để. Tuy nhiên, khoảng cách giữa các nhóm người trong một nước và giữa các nước với nhau là quá lớn trong việc đảm bảo sự tiếp cận bình đẳng. Do thiếu khả năng và phương tiện, nhiều quốc gia, đặc biệt là các nước đang phát triển, phải đối diện với vô vàn khó khăn để ứng dụng những công nghệ này vào thực tế và nhu cầu của địa phương.

2.3. Tài chính và mục tiêu xã hội

Đầu tư cho giáo dục đại học giữ vai trò ngày càng lớn trong bối cảnh mới của thế kỷ 21 nhằm đáp ứng các yêu cầu mở rộng và nâng cao chất lượng đào tạo. Hầu hết các cơ sở giáo dục đại học đều tìm kiếm nhiều nguồn tài chính khác nhau, cả trong khu vực nhà nước lẫn khu vực tư nhân. Tuy nhiên, việc tăng đầu tư tư nhân cho giáo dục cũng đồng nghĩa với phát triển khía cạnh thương mại trong giáo dục vì lợi nhuận và như vậy không thể đảm bảo sự hài hoà trong thực hiện các mục tiêu giáo dục và xã hội.

Không chỉ các nước đang phát triển mà cả các nước tiên tiến cũng đang phải đối diện với những vấn đề nan giải như trên. Một mặt, các quốc gia đều mong muốn hội nhập quốc tế để khai thác vốn tri thức của nhân loại, mặt khác muốn bảo hộ lĩnh vực này nhằm hướng giáo dục đại học vào việc thực hiện các mục tiêu kinh tế và xã hội của nước mình. Tuy nhiên, các nước phát triển với truyền thống lâu năm và giàu kinh nghiệm trong quản trị đại học cùng với việc khai thác tốt khoa học công nghệ tiên tiến đã vượt xa các nước khác trong khai thác giáo dục đại học vì mục tiêu thương mại.

Cùng với xu thế tự do hoá thương mại, một số quốc gia đi đầu trong tư nhân hoá các cơ sở giáo dục đại học đã thúc đẩy các cuộc đàm phán trong Tổ chức Thương mại Thế giới (World Trade Organisation - WTO) để đi đến dỡ bỏ các rào cản trong bảo hộ giáo dục để có một thị

trường mở cho sự cạnh tranh đối với giáo dục, nhất là giáo dục đại học. Một trong mười hai nội dung của Hiệp định chung về Thương mại trong Dịch vụ (General Agreement on Trade in Services - GATS) của WTO được dành cho lĩnh vực giáo dục.

3. ẢNH HƯỞNG CỦA GATS TỚI HỆ THỐNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

3.1. Một số nét cơ bản về GATS

GATS là một hiệp định đa phương có hiệu lực pháp lý nhằm điều tiết thương mại quốc tế trong lĩnh vực dịch vụ. Cùng dựa trên những nguyên tắc cơ bản của Hiệp định chung về thuế quan và mậu dịch (General Agreement on Tariff and Trade - GATT) đối với các sản phẩm hàng hoá từ hơn 50 năm nay, GATS khuyến khích tự do hoá thương mại và không phân biệt đối xử. GATS bao trùm phạm vi rộng lớn gồm nhiều loại hình dịch vụ khác nhau và đưa ra quy định khung về những nghĩa vụ cơ bản như sự minh bạch, quy chế tối huệ quốc mà tất cả các nước thành viên WTO khi đã thông qua hiệp định này đều phải có trách nhiệm tuân thủ.

3.2. Sự hình thành của GATS trong lĩnh vực dịch vụ giáo dục

Cho đến gần đây, giáo dục vẫn không được nhắc đến trong các cuộc tranh luận về toàn cầu hoá vì lĩnh vực này vẫn được xem như một dịch vụ phi thương mại. Nhưng trên thực tế, dịch vụ thương mại giáo dục đã trở thành một trong những ngành chủ chốt ở một số nước. Thương mại quốc tế trong giáo dục đại học được hình thành phần lớn dựa trên chi phí của sinh viên du học ở nước ngoài. Hình thức này đã có từ nhiều năm nay nhưng bên cạnh đó còn có những loại hình cung cấp dịch vụ giáo dục từ bên ngoài đang phát triển nhanh chóng nhờ các công nghệ viễn thông hiện đại giúp người học tiếp cận giáo dục mà không cần đi ra nước ngoài. Vì vậy những khả năng mới đang mở ra cho thị trường giáo dục.

Bảng 1: Xuất khẩu dịch vụ giáo dục và tỷ lệ so với tổng xuất khẩu dịch vụ giai đoạn 1970-2000

	1970		1989		1997		2000	
	Triệu USD	%	Triệu USD	%	Triệu USD	%	Triệu USD	%
Ô-xtrây-li-a	6	0.6	584	6.6	2190	11.8	2155	11.8
Ca-na-da	68	2.7	530	3	595	1.9	796	2.1
Niu Dil-an	280	6.6	199	4.7
Anh	2214	4.5	4080	4.3	3758	3.2
Mỹ	4575	4.4	8346	3.5	10280	3.5

(Nguồn: Số liệu về thương mại trong giáo dục của OECD và IMF 2000)

Từ những số liệu trên, người ta nhận thấy mức độ tăng trưởng của xuất khẩu dịch vụ giáo dục ở một số nước phát triển quá nhanh và đem lại lợi nhuận không nhỏ cho các nước này. Năm 1999, có khoảng 1,47 triệu sinh viên nước ngoài du học ở các nước thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển kinh tế (OECD). Chỉ tính riêng tiền học phí và chi tiêu bình thường của số sinh viên này đã xấp xỉ 30 tỷ USD.

Vi vậy, dịch vụ giáo dục đã được đưa vào GATS trong vòng đàm phán Uruguay với sự thoả thuận của 42 nước thành viên WTO.

Bảng 2: Các hình thức dịch vụ thương mại theo sự phân loại của GATS

1. Cung cấp phương tiện xuyên biên giới: liên quan tới các dạng thương mại hàng hoá bình thường. Hình thức này có thể tăng trưởng nhanh chóng thông qua việc sử dụng các công nghệ thông tin mới cho đào tạo từ xa (VD: truyền tin qua cáp và vệ tinh, hội thảo trực tuyến, phần mềm máy tính, CD-Rom và Internet);
2. Chi tiêu ở nước ngoài: dành cho những người đi ra nước ngoài và sử dụng dịch vụ của nước sở tại (VD: sinh viên đi du học). Hiện nay, thị trường thế giới trong dịch vụ giáo dục chủ yếu tập trung các sinh viên quốc tế ở bậc đại học;
3. Đại diện thương mại: liên quan đến việc xây dựng cơ sở ở nước ngoài của các nhà cung cấp dịch vụ giáo dục (VD: các chi nhánh tại địa phương hoặc liên kết với các cơ sở giáo dục địa phương);
4. Hoạt động của các nhà chuyên môn (VD: giáo sư, giảng viên, nghiên cứu viên đi tới một nước khác để cung cấp dịch vụ giáo dục trong một khoảng thời gian nhất định).

3.3. Ảnh hưởng của GATS đối với hệ thống giáo dục đại học

Nhiều cuộc tranh luận đang diễn ra xung quanh những tác động của GATS đối với giáo dục đại học. Những ý kiến phản đối tập trung chủ yếu vào những thách thức đối với vai trò của chính phủ, ý nghĩa dịch vụ công của giáo dục và đặc biệt là chất lượng giáo dục. Còn những người ủng hộ GATS thì đề cao những lợi ích mà GATS mang lại thông qua sự đổi mới hệ thống đại học với sự đa dạng hoá các nhà cung cấp và các hình thức dịch vụ khác nhau, khả năng tiếp cận sinh viên lớn hơn và bên cạnh đó là lợi ích kinh tế sẽ tăng lên. Tuy nhiên người ta có thể dễ dàng nhận ra những cơ hội và thách thức luôn đi liền với nhau và dĩ nhiên tự do hoá thương mại và GATS sẽ có những tác động trực tiếp tới việc hoạch định chính sách cho giáo dục đại học của tất cả các quốc gia, trước hết là những nước thành viên WTO.

Khả năng tiếp cận giáo dục của sinh viên

Chính phủ và các cơ sở giáo dục công lập chịu trách nhiệm đảm bảo sự tiếp cận giáo dục cho tất cả mọi người. Tuy nhiên, ở nhiều nước, nếu không nói là hầu hết các nước, đây là vấn đề thách thức nhất vì nhu cầu giáo dục đại học tăng lên nhanh chóng thường là cao hơn khả năng cung cấp của các nước này. Đây là một trong những lý do tại sao một số sinh viên quan tâm tìm kiếm các khả năng học tập ở nước ngoài, đồng thời càng có nhiều hơn các nhà cung cấp dịch vụ đang tích cực chuẩn bị cho việc cung cấp dịch vụ giáo dục đại học xuyên quốc gia.

Trong bối cảnh đó, xu hướng tự do hoá thương mại tăng sẽ làm cho vấn đề tiếp cận trở nên phức tạp. Những người ủng hộ thì cho rằng những người sử dụng dịch vụ, cụ thể là sinh viên có nhiều khả năng tiếp cận giáo dục hơn cả ở trong nước và nước ngoài. Những người phản đối thì tin rằng khả năng tiếp cận sẽ hạn chế hơn vì thương mại hoá giáo dục sẽ làm tăng chi phí. Từ đây nổi lên vấn đề khả năng và vai trò của chính phủ trong việc cung cấp cơ hội cao hay thấp, đồng thời liên quan đến vấn đề tài chính.

Vấn đề tài chính

Nhiều chính phủ với khả năng ngân sách hạn chế sẽ tìm kiếm nhiều nguồn tài chính để đáp ứng chi phí cho giáo dục leo thang. Liệu thương mại quốc tế có thể cung cấp các nguồn tài chính thông qua

những nhà cung cấp dịch vụ mới? Câu trả lời là hoàn toàn có thể! Tuy nhiên, theo những quy định của GATS để đảm bảo sự cạnh tranh công bằng thì bất cứ sự hỗ trợ nào của nhà nước cho các cơ sở công lập cũng đều bị coi là vi phạm. Hơn thế nữa, chính sự xuất hiện của các nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài sẽ làm cho chính phủ giảm đầu tư cho các cơ sở giáo dục công lập, như vậy đương nhiên sẽ có lợi cho một số nước có khả năng xuất khẩu giáo dục và bất lợi cho đa số các nước khác trong việc tài trợ và đảm bảo sự tiếp cận công bằng.

Đảm bảo chất lượng và sự công nhận

Các hoạt động giáo dục xuyên quốc gia tăng lên và các quy định thương mại mới thu hút sự chú ý vào vấn đề đảm bảo chất lượng và công nhận các chương trình giáo dục quốc tế của các nhà cung cấp. Rõ ràng rằng hệ thống đảm bảo chất lượng của mỗi quốc gia đang bị thách thức rất lớn do sự phức tạp của môi trường giáo dục quốc tế. Quan trọng không phải chỉ cần chính sách và cơ chế của mỗi quốc gia mà cần hơn là những chính sách quốc tế cho việc đảm bảo chất lượng và sự công nhận.

Di chuyển cán bộ

GATS khuyến khích việc di chuyển các nhà chuyên môn để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về những người có trình độ. Đây là những tác động rõ nét trong lĩnh vực dịch vụ và đặc biệt liên quan đến sự thuyên chuyển giáo viên và giảng viên đại học. Ở nhiều nước, đội ngũ giáo viên tăng lên nhờ vào việc tuyển dụng năng động xuyên quốc gia. Rất nhiều giáo viên và nghiên cứu viên mong muốn tới những quốc gia có điều kiện làm việc và lương tốt hơn và như vậy thì thực tế là các nước phát triển nhất sẽ hưởng lợi từ sự luân chuyển này. Nạn chảy máu chất xám từ các nước đang phát triển sang các nước công nghiệp đã diễn ra từ nhiều thập kỷ nay nhưng sẽ tăng mạnh trong những điều kiện mới của GATS và toàn cầu hoá. Trước đây và cả sau nay, Mỹ luôn được coi là cực nam châm mạnh nhất thu hút nhân tài và công nhân lành nghề trình độ cao.

Văn hoá

Văn hoá và truyền thống là một phần nền tảng xây dựng nên hệ thống giáo dục của mỗi nước nhưng đồng thời giáo dục cũng là một quá trình mà thông qua đó văn hoá có thể xâm nhập khá dễ dàng. Rất nhiều

ý kiến bày tỏ sự lo ngại sâu sắc về sự đồng hoá văn hoá thông qua việc cung cấp dịch vụ giáo dục xuyên quốc gia. Cũng có ý kiến cho rằng sự hoà đồng văn hoá sẽ diễn ra thông qua những ảnh hưởng ngày càng tăng của công nghệ thông tin và viễn thông. Trên thực tế, điều này đã xảy ra từ nhiều thập kỷ nay và được xem như một sự phát triển tích cực. Như vậy, những ý kiến khác biệt, thậm chí đối lập nhau cho thấy những cơ hội và thách thức mới đang đặt ra, đặc biệt là trong lĩnh vực văn hoá và truyền bá văn hoá.

4. XU HƯỚNG HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

Trong thế giới đầy biến động với rất nhiều vấn đề và thách thức mới, các quốc gia đều nhận thức được rằng hợp tác khu vực và quốc tế là giải pháp hữu hiệu nhất để giảm thiểu tác động tiêu cực của quá trình toàn cầu hoá, thu hẹp hố ngăn cách phát triển và tăng cường hiểu biết lẫn nhau nhằm giảm nguy cơ xung đột văn hoá, xã hội, kinh tế, chính trị giữa các dân tộc trên thế giới.

Trong lĩnh vực giáo dục đào tạo và khoa học công nghệ, những yêu cầu hội nhập càng trở nên bức bách hơn bao giờ hết khi con người đang bước vào kỷ nguyên của nền kinh tế tri thức trong đó việc sáng tạo và sử dụng tri thức có ý nghĩa quyết định đối với phát triển kinh tế và nâng cao đời sống xã hội. Vì thế, vai trò của hợp tác quốc tế ngày càng lớn trong việc trao đổi tri thức hay nói cách khác là xây dựng những xã hội tri thức. Đồng thời với việc khai thác các mối quan hệ quốc tế thì việc củng cố và phát triển các mối quan hệ giữa các nước trong khu vực và giữa các khu vực trên thế giới là vô cùng cần thiết và không thể tách rời.

Cùng với xu thế hội nhập kinh tế, những cơ hội hợp tác quốc tế trong đào tạo và nghiên cứu khoa học đang ngày càng phát triển. Có không ít những mâu thuẫn đang đặt ra cho các quốc gia, kể cả các nước công nghiệp hoá và các nước đang phát triển để giải quyết vấn đề mở rộng quy mô vừa nâng cao chất lượng, vừa đảm bảo công bằng xã hội vừa giải quyết những khó khăn tài chính, vừa phát triển nghiên cứu khoa học đồng thời triển khai ứng dụng công nghệ trong thực tế. Do đó, nhu cầu hợp tác không chỉ xuất phát từ các nước nghèo mà đã trở thành xu thế chung của thế giới. Mặc dù các nước đang phát triển gặp

nhiều khó khăn hơn do trình độ quản lý hạn chế, cơ sở vật chất nghèo nàn, khả năng ứng dụng khoa học công nghệ kém nhưng các nước này lại có hệ sinh thái phong phú, nguồn nhân lực trẻ năng động và có khả năng tiếp thu tri thức nhanh, đồng thời cũng là những thị trường đầy tiềm năng cho các nhà cung cấp dịch vụ trong giáo dục. Vì vậy, hợp tác quốc tế cần được phát triển dựa trên mối quan hệ đối tác bình đẳng và tôn trọng lẫn nhau vì lợi ích chung, vừa đáp ứng được nhu cầu phát triển trong môi trường đa văn hoá, vừa phù hợp với mục tiêu chiến lược và truyền thống văn hoá của mỗi quốc gia.

Cùng với xu thế hội nhập kinh tế, quốc tế hoá giáo dục đại học là một tất yếu để chuyển giao công nghệ và tri thức nhưng điều đó không đồng nghĩa với thương mại hoá và biến giáo dục thành một sản phẩm hàng hoá để trao đổi trên thị trường. Mỗi quốc gia đều xây dựng những chính sách riêng phù hợp với điều kiện thực tế và nhu cầu phát triển nên việc quốc tế hoá giáo dục phải được dựa trên một cơ chế hợp tác tự nguyện, bình đẳng, tôn trọng lẫn nhau và cùng có lợi. Các bước đi trong hoạch định chính sách nhằm khai thác hiệu quả hợp tác quốc tế phụ thuộc rất lớn vào mỗi quốc gia nói chung và mỗi cơ sở giáo dục đại học nói riêng.

KẾT LUẬN

Khác với suy nghĩ của rất nhiều người, thương mại trong dịch vụ giáo dục đại học đã hình thành và đang phát triển bất chấp những ý kiến phản đối từ nhiều chính phủ và các tổ chức quốc tế. Con số 30 tỷ đô-la thu nhập từ xuất khẩu dịch vụ giáo dục, chiếm 3% trên tổng thu nhập từ xuất khẩu dịch vụ của các nước thuộc Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế mang rất nhiều ý nghĩa. Mà đó mới chỉ là mức ước tính dựa trên số sinh viên du học ở bậc đại học chứ chưa phải toàn bộ giá trị các dịch vụ giáo dục và đương nhiên là thấp hơn nhiều so với thực tế. Như vậy sức mạnh của lợi thế so sánh đã nghiêng hẳn về một số nước phát triển dẫn đầu trong danh sách các nước xuất khẩu dịch vụ giáo dục.

Công nghệ tiên tiến mà tiêu biểu là học điện tử (e-learning) sẽ có ảnh hưởng mạnh mẽ nhất tới lĩnh vực dịch vụ này trong tương lai. Bên cạnh đó, không ít quốc gia đã thật sự lo ngại về những thách thức tiềm

tăng đối với nền văn hoá và các giá trị truyền thống của nước mình khi tăng cường tự do hoá thương mại trong dịch vụ giáo dục.

Những ý kiến khác nhau, thậm chí là trái ngược, liên quan đến vấn đề tự do hoá thương mại trong dịch vụ giáo dục, gỡ bỏ hàng rào bảo hộ của mỗi quốc gia đối với lĩnh vực này vẫn đang tiếp tục tăng lên. Cũng còn cả một chặng đường phía trước để những cuộc đàm phán về GATS đạt được sự đồng thuận trong các nước thành viên WTO và GATS có thể đi vào đời sống của cộng đồng quốc tế. Tuy nhiên, dù ủng hộ hay phản đối thì các ý kiến đều thống nhất một nguyên tắc rằng giáo dục, đặc biệt là giáo dục đại học vẫn là yếu tố quan trọng trong chính sách quốc gia. Dịch vụ giáo dục từ bên ngoài chỉ có thể là một phần bổ sung và hỗ trợ cho hệ thống giáo dục quốc gia chứ không thể thay thế hệ thống đang tồn tại cho dù quy mô và chất lượng chưa thực sự tương ứng với sự phát triển của quốc gia đó. Các nhà cung cấp dịch vụ đa quốc gia cũng phải tôn trọng chủ quyền quốc gia trong giáo dục và phải đạt được thoả thuận với chính quyền địa phương, đồng thời tuân thủ những hiệp ước quốc tế đã được ký kết trong lĩnh vực này./.